

Phụ lục VI
Appendix VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)
(Issued with the Decision No 21/QĐ-SGDVN on 21/12/2021 of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VIETCAP
VIETCAP SECURITIES
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No: 165./2026/CV-IB.VIETCAP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 07 năm 2026
HCMC, 02 April..., 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap/ Vietcap Securities Joint Stock Company

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: VCI
- Địa chỉ/Address: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, 02 Hải Triều, phường Sài Gòn, TP.HCM/ 15th Floor, Bitexco Financial Tower, 02 Hai Trieu, Sai Gon Ward, HCM city
- Điện thoại liên hệ/Tel.: 028-3914 3588 Fax:028-39143209
- E-mail: congbothongtin@vietcap.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:


Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap/ Charter of Vietcap Securities Joint Stock Company.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 02/07/2026 tại đường dẫn <https://www.vietcap.com.vn/> This information was published on the company's website on 02 April 2026, as in the link [https://www.vietcap.com.vn.](https://www.vietcap.com.vn/)



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

*Tài liệu đính kèm/
Attached documents:
Điều lệ/ Charter*

Đại diện tổ chức
Organization representative 

Người Ủy quyền CBTT
Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



BÙI VŨ HOÀNG TUYẾN
Luật Sư Trưởng





ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 11. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

Điều 12. Chứng quyền có bảo đảm

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của cổ đông

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Thay đổi các quyền

Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 24. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 36. Người điều hành Công ty

Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

Điều 39. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

Điều 50. Năm tài chính

Điều 51. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 53. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54. Kiểm toán

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 55. Dấu của doanh nghiệp

XVIII. TỔ CHỨC LẠI VÀ GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 56. Tổ chức lại công ty

Điều 57. Giải thể công ty

Điều 58. Gia hạn hoạt động

Điều 59. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Điều lệ công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01 ngày 09 tháng 04 năm 2021

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ

công ty;

- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETCAP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
- Tên Công ty viết tắt: Vietcap

2. Hình thức pháp lý của Công ty:

Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép thành lập số 68/UBCK-GP ngày 06/11/2007 và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (84 28) 3914 3588

- Fax: (84 28) 3914 3209

- E-mail: info@vietcap.com.vn

- Website: www.vietcap.com.vn

4. Mạng lưới hoạt động

a. Công ty có thể có chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các Mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị trong phạm vi pháp luật cho phép.

b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;

c. Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

d. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 57 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- a. Nghiệp vụ Môi giới chứng khoán.
- b. Nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.
- c. Nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- d. Nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.
- e. Nghiệp vụ tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác,
- f. Nghiệp vụ lưu ký chứng khoán.

g. Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán phái sinh, bao gồm nghiệp vụ Môi giới chứng khoán phái sinh; Nghiệp vụ Tự doanh chứng khoán phái sinh; Nghiệp vụ Tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh; và Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh cho khách hàng.

2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật vào từng thời điểm.

3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Khoản 1 Điều này sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận.

4. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Mục tiêu hoạt động của Công ty là trở thành công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam và cung cấp đầy đủ các nghiệp vụ/dịch vụ kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.
2. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.
3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành

ngành phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.

4. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.

5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.

6. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.

7. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 11.476.319.250.000 đồng (bằng chữ: Mười một nghìn bốn trăm bảy mươi sáu tỷ ba trăm mười chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.147.631.925 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 14, Điều 15 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn bảy 07 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai mươi 20 ngày (kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ

phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 12. Chứng quyền có bảo đảm

1. Nghiệp vụ kinh doanh chứng quyền có bảo đảm: căn cứ quy định của pháp luật và chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, Công ty sẽ phát hành chứng quyền có bảo đảm và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm.

2. Nghiệp vụ kinh doanh chứng quyền có bảo đảm là việc thực hiện việc chào bán, phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm, bao gồm các nghiệp vụ sau:

- a) Phát hành, chào bán, và niêm yết chứng quyền
- b) Tạo lập thị trường chứng quyền
- c) Giao dịch nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền
- d) Môi giới và tư vấn đầu tư chứng quyền

3. Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền có quyền và nghĩa vụ như sau:

- a) Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo điều kiện và phương thức do Vietcap công bố trong bản cáo bạch của từng đợt chào bán.
- b) Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền bị hủy niêm yết theo quy định của pháp luật.
- c) Quyền chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, cầm cố, vay mượn trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật hiện hành.
- d) Quyền được ưu tiên thanh toán trong trường hợp Vietcap bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật cho phép tùy từng thời điểm.

4. Tỷ lệ giá trị chứng quyền được chào bán: Công ty sẽ có hạn mức cho tất cả các đợt phát hành chào bán chứng quyền có bảo đảm tối đa theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình tài chính của Vietcap theo báo cáo tài chính có kiểm toán gần nhất tại thời điểm phát hành, và phù hợp với quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ban hành.

5. Phương án bảo đảm thanh toán và các nghĩa vụ của Vietcap đối với nhà đầu tư sở hữu chứng quyền trong trường hợp Vietcap bị mất khả năng thanh toán, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản:

- a) Trường hợp Vietcap bị mất khả năng thanh toán, thì các nguồn tài chính sau sẽ thực hiện nghĩa vụ của Vietcap đối với nhà đầu tư:
 - i. Tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có trên tài khoản tự doanh
 - ii. Tài sản đảm bảo thanh toán đã được Vietcap ký quỹ tài ngân hàng lưu ký cho các đợt chào bán chứng quyền (nếu có)
 - iii. Bảo lãnh thanh toán của ngân hàng (nếu có)
 - iv. Trong trường hợp, các nguồn nêu trên không đủ để thanh toán, việc giải quyết quyền lợi cho nhà đầu tư sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về quyền ưu tiên và thứ tự thanh toán cho các chủ nợ.
- b) Trường hợp Vietcap bị giải thể, phá sản: Áp dụng theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản trong việc thanh toán nợ đối với chủ nợ có bảo đảm, và có quyền ưu tiên theo thứ tự thanh toán.
- c) Trường hợp Vietcap hợp nhất, sáp nhập thì áp dụng các quy định của pháp luật doanh nghiệp hiện hành để giải quyết quyền lợi của nhà đầu tư.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị
3. Ban kiểm soát.
4. Ban Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử

người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ

ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; [trường hợp công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán];
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ

phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21, 22 và 23 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp ĐHCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông. Địa chỉ liên lạc của cổ đông là một trong các loại thông tin: địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú; địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại; thư điện tử (email); hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Công ty để làm địa chỉ liên lạc. Trường hợp Công ty gửi Thông báo mời họp bằng thư điện tử (email) thì địa chỉ thư điện tử của cổ đông nhận thông báo là địa chỉ được cung cấp bởi Cơ quan quản lý nhà nước về Lưu ký và Bảo trợ Chứng khoán Việt Nam, hoặc địa chỉ thư điện tử do cổ đông đăng ký với Công ty, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản

trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 22. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và

hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận

và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại Khoản 2, Điều 147, Luật Doanh nghiệp và Khoản 2, Điều 17 của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá

trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Chi tiết như sau:

Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% trên tổng số cổ phần đề cử tối đa một thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai thành viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba thành viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn thành viên, từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm thành viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu thành viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy thành viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa số lượng thành viên được bầu.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên.

Trong đó:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành như sau:

– Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

– Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

– Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

– Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

– Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

– Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; quyết định việc phát hành trái phiếu ra công chúng bao gồm nhưng không giới hạn phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, quyết định việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán, phê duyệt hồ sơ và thực hiện các thủ tục liên quan.

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền

công tron gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban

6
1
0
0
1
1
1
1

chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 36. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Ban Tổng Giám đốc (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Thành viên Ban Tổng Giám đốc phải đáp ứng tiêu chuẩn và các điều kiện quy định tại các văn bản pháp luật hướng dẫn về tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công

=
-
K
P
S
T
P
=

Điều 39. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên

quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.



XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 50. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 51. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách

quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 53. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 55. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. TỔ CHỨC LẠI VÀ GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 56. Tổ chức lại công ty

1. Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận.

2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 57. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết

định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh

Y
N
OÁI
IP
C

chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 62 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap nhất trí thông qua ngày 9 tháng 4 năm 2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này được sửa đổi lần 15 vào ngày 01 tháng 4 năm 2026.
2. Điều lệ được lập thành hai bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TÔN MINH PHƯƠNG



CHARTER

VIETCAP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

TABLE OF CONTENTS

PRELUDE

I. DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER

Article 1. Explanation of terms

II. . NAME, FORM, HEAD OFFICE, BRANCH, REPRESENTATIVE OFFICE, BUSINESS LOCATION, TERMS OF OPERATION AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

Article 2. Name, form, head office, branch, representative office, business location and terms of operation of the Company

Article 3. Legal representative of the Company

III. OBJECTIVE AND SCOPE OF BUSINESS & OPERATION OF THE COMPANY

Article 4. Operating objectives of the Company

Article 5. Scope of business and operation of the Company

Article 6. Operational principles

IV. CHARTER CAPITAL, SHARES AND FOUNDING SHAREHOLDERS

Article 7. Charter capital, shares and founding shareholders

Article 8. Share certificates

Article 9. Other share certificates

Article 10. Transfer of shares

Article 11. Share withdrawal (in case of enterprise establishment and registration)

Article 12. Secured warrants

V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, MANAGEMENT AND SUPERVISION

Article 13. Organizational structure, management and supervision

VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Article 14. Rights of shareholders

Article 15. Obligations of shareholders

Article 16. General Meeting of Shareholders

Article 17. Rights and obligations of the General Meeting of Shareholders

Article 18. Authorization for attending the General Meeting of Shareholders

Article 19. Change of rights

Article 20. Convening, agenda and announcement of the General Meeting of Shareholders

Article 21. Conditions for holding the General Meeting of Shareholders

Article 22. Procedures for holding and voting at the General Meeting of Shareholders

Article 23. Approval of decisions of the General Meeting of Shareholders

Article 24. Competence and formalities to obtain shareholder opinions in writing to approve

decisions of the General Meeting of Shareholders

Article 25. Resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders

Article 26. Request for annulment of resolutions of the General Meeting of Shareholders

VII. BOARD OF DIRECTORS

Article 27. Nomination of members for the Board of Directors

Article 28. Composition and terms for members of the Board of Directors

Article 29. Rights and obligations of the Board of Directors

Article 30. Remuneration, bonuses and other benefits for members of the Board of Directors

Article 31. Chairperson

Article 32. Meetings of the Board of Directors

Article 33. Sub-committees of the Board of Directors

Article 34. Individuals in charge of corporate governance

VIII. GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES

Article 35. Organization of management structure

Article 36. Executives

Article 37. Appointment, removal and duties & powers of the General Director

IX. SUPERVISORY BOARD

Article 38. Nomination of members for the Supervisory Board

Article 39. Members of the Supervisory Board

Article 40. Head of the Supervisory Board

Article 41. Rights and obligations of the Supervisory Board

Article 42. Meetings of the Supervisory Board

Article 43. Salary, bonuses and other benefits of members of the Supervisory Board

X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, SUPERVISORY BOARD, GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES

Article 44. Truthful responsibilities and avoidance of conflicts of interest

Article 45. Responsibilities for damage and compensation

XI. RIGHTS TO INSPECT BOOKS AND DOCUMENTS OF THE COMPANY

Article 46. Rights to inspect books and documents

XII. EMPLOYEES AND UNION

Article 47. Employees and union

XIII. PROFIT DISTRIBUTION

Article 48. Profit distribution

XIV. BANK ACCOUNT, FISCAL YEAR AND ACCOUNTING REGULATIONS

Article 49. Bank account

Article 50. Fiscal year

Article 51. Accounting regulations

XV. FINANCIAL STATEMENT, ANNUAL REPORT AND INFORMATION DISCLOSURE OBLIGATION

Article 52. Quarterly, mid-year and annual financial statements

Article 53. Annual report

XVI. AUDIT OF THE COMPANY

Article 54. Audit

XVII. SEAL

Article 55. Seal

XVIII. REORGANIZATION AND DISSOLUTION

Article 56. Reorganization

Article 57. Dissolution

Article 58. Extension of operation

Article 59. Liquidation

XIX. SETTLEMENT OF INTERNAL DISPUTES

Article 60. Settlement of internal disputes

XX. SUPPLEMENTATION AND AMENDMENT OF CHARTER

Article 61. Company Charter

XXI. EFFECTIVE DATE

Article 62. Effective date

PRELUDE

This Charter was approved under resolution No. 01 dated April 9th, 2021 of the General Meeting of Shareholders.

I. DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER

Article 1. Explanation of terms

1. In this Charter, the following terms are construed as follows:

a) *Charter capital* refers to the total face value of shares that are sold or subscribed when establishing a company and the regulations specified in Article 7 hereof.

b) *Voting capital* means the share capital whereby owners have the right to vote on matters falling under the authority of the General Meeting of Shareholders.

c) *Law on Enterprises* refers to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH2014 approved by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020.

d) *Law on Securities* refers to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 approved by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 36, 2019.

dd) *Vietnam* refers to the Socialist Republic of Vietnam.

e) *Establishment day* refers to the day on which the company is granted the enterprise registration certificate (and other equivalent papers) for the first time.

g) *Executives* refer to the General Director, Deputy General Director, Chief Accountant and other people holding executive positions according to the Company's Charter.

h) *Management* refers to the Chairperson, members of the Board of Directors, General Director, Deputy General Director and other people holding management positions according to the Charter of the company.

i) *Related person* refers to any individual or organization prescribed in Clause 46, Article 4

of the Law on Securities.

k) *Shareholder* refers to any individuals and/or institutions who own least one share of the joint stock company.

l) *Founding shareholder* refers a shareholder who owns at least one ordinary share and has signed the list of founding shareholders of a joint stock company.

m) *Majority shareholder* refers to any shareholder defined in Clause 18, Article 4 of the Law on Securities.

n) *Term of operation* refers to the operation time of the Company prescribed by Article 2 of this Charter and the extended period (if any) approved by the General Meeting of Shareholders of the Company.

o) *The Stock Exchange* is the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries.

2. In this Charter, references to one or more of the provisions or other documents include amendments or supplementary documents.

3. Titles (chapters and articles of this Charter) are used to facilitate understanding of the content and do not affect the content of this Charter.

II. NAME, FORM, HEAD OFFICE, BRANCH, REPRESENTATIVE OFFICE, BUSINESS LOCATION, TERMS OF OPERATION AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

Article 2. Name, form, head office, branch, representative office, business location and terms of operation of the Company

1. Company name:

- Company name in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP
- Company name in English: VIETCAP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
- Abbreviated name: Vietcap

2. Legal status:

The Company is a joint-stock company with its legal entity status, being granted the License for Establishment and Operation No 68/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on November 6th, 2007, and operates in accordance with Law on Security and current Vietnam's laws.

3. Registered head office of the Company:

- Address of the head office: 15th Floor, Bitexco Financial Tower, No.2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City.

- Phone: (84 28) 3914 3588
- Fax: (84 28) 3914 3209
- E-mail: info@vietcap.com.vn
- Website: www.vietcap.com.vn

4. Business locations:

a. The Company can have branches, transaction offices and representative offices to carry out the Company's operational goal in accordance with the resolution of the Board of Directors within the scope permitted by law.

b. Branches, transaction offices and representative offices are affiliated units of the

Company and the Company must bear responsibility for operation of its branches, transaction offices and representative offices.

c. The Company only conducts securities business activities and provides securities services at its head office, branches and transaction offices that are approved by the State Securities Commission.

d. Branches, transaction offices and representative offices must have the Company's name together with word(s) "branch", "transaction office" or "representative office" and proper name for clarity.

5. Except for early termination according to Clause 2, Article 57 or extension of operations according to Article 58 of this Charter, the term of operation is indefinite from establishment.

Article 3. Legal representative of the Company

The Company's legal representative is the General Director.

Rights and obligations of the legal representative:

The Company's legal representative is an individual representing the Company in performing the rights and obligations in connection with the Company's transactions, representing the Company as a plaintiff, defendant or person with related rights and obligations before arbitration, the Court and other rights and obligations as prescribed by law.

III. OBJECTIVE AND SCOPE OF BUSINESS & OPERATION OF THE COMPANY

Article 4. Operating objectives of the Company

1. Business lines of the Company:

- a. Securities brokerage
- b. Securities trading
- c. Securities underwriting
- d. Securities investment consultancy
- e. Financial consultancy and other financial services
- f. Securities depository
- g. Derivatives business, including derivatives brokerage, derivatives trading, derivatives investment consultancy, and provision of clearing and settlement services for derivatives trading to clients.

2. In addition to the securities business specified in Clause 1 of this Article, the Company is allowed to provide securities depository services, financial consultancy, management of securities trading accounts of investors, and other financial services as prescribed by law.

3. The Company may add or withdraw one or several business activities specified in Clause 1 of this Article after being approved by the State Securities Commission of Vietnam (SSC).

4. Operational objective of the Company

The Company's objective is to become the leading securities company in Vietnam and to provide a full range of securities trading operations/services in accordance with the provisions of law .

Article 5. Scope of business and operation of the Company

The Company may carry out all business operations in accordance with the business lines of the Company registered by the business registration authority, published on the national enterprise registration portal and in accordance with this Charter.

Article 6. Operational principles

1. Compliance with the Law on Securities and the securities market and other relevant laws.
2. Conduct business in a fair and honest manner.
3. Promulgate business procedures, internal control procedures, risk management procedures, and a code of ethics that are appropriate to the business activities of the Company.
4. Ensure human resources, capital and facilities for securities business activities while complying with the law.
5. Separation of offices, human resources, information systems and reporting among departments to avoid conflicts of interest between the Company and customers as well as among different groups of customers. The Company must disclose potential conflicts of interest between the Company, its staffs and customers in advance.
6. Assign securities practitioners who are appropriate to business activities. Securities practitioners are not allowed to simultaneously conduct proprietary trading and provide brokerage services.
7. Share price forecast or trading recommendations in connection with a specific stock in the media must specify a rational analysis and source(s) of information.

IV. CHARTER CAPITAL, SHARES AND FOUNDING SHAREHOLDERS

Article 7. Charter capital, shares and founding shareholders

1. The Company's charter capital is VND11,476,319,250,000 (In words: Eleven thousand four hundred and seventy-six billion three hundred and nineteen million two hundred and fifty thousand Vietnamese Dong)

The total charter capital of the Company is divided into 1,147,631,925 shares with par value of VND 10,000 per share.

2. The Company may change its charter capital when it is approved by the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of law.
3. Shares of the Company on the date of ratification of this Charter include ordinary shares and preferred shares (if any). Rights and obligations of shareholders owning each type of share are regulated in Article 14 and 15 hereof.
4. The Company may issue other types of preferred shares after obtaining approval of the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of law.
5. Ordinary shares shall be offered with priority to existing shareholders in proportion to the ratio of their ordinary shares in the Company — unless the General Meeting of Shareholders decides otherwise. Unsubscribed shares shall be decided by the Board of Directors. The Board of Directors may distribute such shares to other shareholders and individuals under conditions that are no more favorable than ones that had been offered to existing shareholders — unless decided

otherwise by the General Meeting of Shareholders.

6. The Company may buy back shares issued by the Company by methods as set out in this Charter and applicable laws.

7. The Company may issue other types of securities in accordance with provisions of law .

Article 8. Share certificates

1. Shareholders of the Company are issued share certificates corresponding to the number of shares and type of shares owned.

2. Shares are securities that confirm the legitimate rights and interests of owners regarding a part of the share capital of the issuing organization. Shares must bear all contents specified in Clause 1, Article 121 of the Law on Enterprises.

3. Within seven (7) days from the submission of adequate applications for the transfer of ownership of shares in accordance with the regulations of the Company or within 20 days from the date of full payment of shares as specified in the Company's share issuance plan (or other time limit under the provisions of the issuance), the owner of shares shall be granted the share certificates. The owner of shares does not have to pay cost of printing the share certificates to the Company.

4. In the case a share certificate is lost, damaged or destroyed in any other way, a shareholder may require the share certificate to be reissued by the Company. Such proposal must include the following contents:

a) Information about the share certificate that has been lost, damaged or destroyed in any other ways.

b) The shareholder's commitment to take responsibility for disputes arising from the reissuance of new share certificates.

Article 9. Other share certificates

Bond certificates or other share certificates of the Company are issued with the signature of the legal representative and the seal of the Company.

Article 10. Transfer of shares

1. All shares are freely transferable unless otherwise specified in this Charter and provisions of law. Listed shares are transferable in accordance with provisions of law regarding securities and the security market.

2. Shares that have not been fully paid for shall not be transferable and shall not enjoy relevant benefits such as the right to receive dividends, the right to receive shares issued to increase charter capital from shareholder equity, the right to buy newly offered shares and other rights in accordance with provisions of the law.

Article 11. Share withdrawal (in the case of enterprise establishment and registration)

1. If a shareholder does not make full and in due time payment for shares, the Board of Directors shall notify and have the right to request the shareholder to pay the remaining amount. In addition, a shareholder is responsible for costs arising for the Company if the shareholder does not make full and in due time payment.

2. The abovementioned payment notice must specify the new payment time limit (at least seven (7) days from the date of notice) and place of payment. The notice must also specify that if the payment is not made as required, then the number of shares that are not paid for will be withdrawn.

3. The Board of Directors may withdraw shares that are not fully paid for and in due time in case the requirements in the abovementioned notice are not implemented.

4. Shares that are withdrawn shall be eligible to be offered as specified in Clause 3, Article 112 of the Law on Enterprises. The Board of Directors may directly or authorize another party to sell or redistribute under conditions and ways that it deems appropriate.

5. Shareholders whose shares were withdrawn must renounce their shareholder status for such shares but shall still be liable for the total value of shares registered for purchase for financial obligations of the Company arising at the time of withdrawal under decisions of the Board of Directors from the date of withdrawal to the date of payment. The Board of Directors has the right to enforce payment for the full value of the shares at the time of withdrawal.

6. A withdrawal notice is sent to shareholders whose shares are withdrawn prior to the time of withdrawal. The withdrawal is still valid even if there are shortcomings or negligence in sending the notice.

Article 12. Secured warrants

1. Secured warrants business is based on the provisions of law and approval of the SSC. The Company will issue secured warrants and perform all activities related to secured warrants.

2. Conduct the offering, issuing and listing of secured warrants, including the following activities:

- a) Issuing, offering and listing warrants
- b) Warrants market making
- c) Trading for the purpose of hedging the warrants
- d) Warrants brokerage and investment consultancy

3. Rights and obligations of investors owning warrants:

a) The right to pay in cash or transfer the underlying securities according to the conditions and methods announced by Vietcap in the prospectus of each offering.

b) The right to be paid in cash when the warrants are delisted in accordance with the provisions of law.

c) The right to transfer, donate, inherit, pledge or borrow in civil relations in accordance with the provisions of law.

d) The right to be prioritized to be paid in case Vietcap is terminated or goes bankrupt in accordance with the provisions of law.

e) Other rights as permitted by law.

4. The ratio of the value of the warrants to be offered: The Company shall have a limit for all offerings of secured warrants in accordance with the provisions of law and the financial situation of Vietcap per the latest audited financial statements at the time of offering as well as in accordance with the regulations issued by the SSC.

5. Warrant payment plan and obligations of Vietcap for investors owning warrants in the event that Vietcap loses its ability to pay, merges, consolidates, terminates or becomes bankrupt:

a) In the event that Vietcap loses its ability to pay, the following financial sources will be used to perform Vietcap's obligations to investors:

i. Hedging assets for warrants available on self-trading accounts.

ii. Collateral deposited by Vietcap at custodian bank for warrant offerings (if any).

iii. Bank's payment guarantee (if any).

iv. In case the aforementioned sources are insufficient to pay, the settlement of interests for investors will comply with the law on priority rights and order of payment to creditors.

b) In the event that Vietcap is terminated or goes bankrupt, provisions of the law on liquidation and bankruptcy shall be applied for debt payment to secured creditors that have the right to prioritize according to the order of payment.

a) In the event that Vietcap merges or consolidates, the provisions of current enterprise law shall apply to settle the interests for investors.

V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, MANAGEMENT AND SUPERVISION

Article 13. Organizational structure, management and supervision

The organizational structure, management and control of the Company include:

1. General Meeting of Shareholders

2. Board of Directors

3. Supervisory Board

4. Board of Management

VI. SHAREHOLDERS AND THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Article 14. Rights of shareholders

1. Ordinary shareholders shall have following rights:

a) To participate and express their opinions at the General Meetings of Shareholders and exercise the right to vote directly, through an authorized representative or by other means as prescribed by the law and this Charter. Each ordinary share has one vote.

b) To receive dividends as decided by the General Meeting of Shareholders.

c) To have the priority to purchase newly offered shares proportionate to ordinary shares held.

d) To freely transfer their shares to others — except for the cases specified in Clause 3, Article 120 and Clause 1, Article 127 of the Law on Enterprises and other relevant laws.

dd) To review, search and extract information related to the shareholder's name and address in the list of ordinary shareholders and request modification of incorrect information.

e) To review, search, extract or photocopy the Company's Charter, minutes and resolutions of the General Meeting of Shareholders.

g) If the Company is dissolved or goes bankrupt, ordinary shareholders will receive a portion of the remaining assets proportionate to their ordinary shares.

h) To request the Company to repurchase their shares in cases prescribed by Article 132 of the Law on Enterprises.

i) To receive equal treatment. Each share of the same type gives the owner equal rights, obligations and interests. In case the Company has different types of preference shares, the rights and obligations associated with each type must be approved by the General Meeting of Shareholders and fully disclosed to shareholders.

k) To have full access to periodic and extraordinary information published by the Company in accordance with the law.

l) To have their legitimate rights and interests protected as well as the right to propose to suspend or cancel resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and those of the Board of Directors in accordance with the Law on Enterprises.

m) Other rights as prescribed by the law and this Charter.

2. Shareholders or groups of shareholders holding at least 5% of total ordinary shares have following rights:

a) To request the Board of Directors to convene a General Meeting of Shareholders as specified in Clause 3, Article 115 and Article 140 of the Law on Enterprises.

b) To review, search and extract the minutes and resolutions, decisions of the Board of Directors, mid-year and annual financial statements, reports of the Supervisory Board, contracts, transactions that must be approved by the Board of Directors and other documents — except for documents related to trade secrets and business secrets of the Company.

c) Request the Supervisory Board to check specific issues related to the management and business operations of the Company if deemed necessary. The request must be made in writing with the full name, permanent address, nationality, ID or other lawful identification number for individual shareholders or name, enterprise registration number or lawful identification number for shareholders that are organizations; the number of shares and share registration date of each shareholder, total number of shares and share ownership that each group of shareholders collectively holds; and issues needed to be inspected and purpose for inspection;

d) Proposed issues to be included in the agenda of the General Meeting of Shareholders. The proposal must be in writing and sent to the Company at least three (3) working days before the opening of the General Meeting of Shareholders. The proposal must clearly state the shareholder's name, number and type of shares held by such shareholder, and proposed issues to be included in the agenda.

dd) Other rights as prescribed by the law and this Charter.

3. Shareholders or groups of shareholders holding at least 10% of total ordinary shares have the right to nominate candidates to the Board of Directors and Supervisory Board. Nomination of candidates to the Board of Directors and Supervisory Board shall be as follows:

a) Ordinary shareholders who form groups to nominate candidates to the Board of Directors and Supervisory Board must inform their respective group members of the group meeting before the opening of the General Meeting of Shareholders.

b) Based on the number of members of the Board of Directors and Supervisory Board, a shareholder or a group of shareholders specified in this clause is entitled to nominate one or more persons decided by the General Meeting of Shareholders as candidates to the Board of Directors

and Supervisory Board. In case the number of candidates nominated by a shareholder or a group of shareholders is lower than the number of candidates that they are entitled to nominate as decided by the General Meeting of Shareholders; subsequently, the remaining number of candidates shall be determined by the Board of Directors, Supervisory Board or other shareholders.

Article 15. Obligations of shareholders

Ordinary shareholders have the following obligations:

1. To pay in full and on a timely basis for subscribed shares.
2. To not withdraw the capital contributed under ordinary shares from the Company in any form — unless shares are repurchased by the Company or purchased by other investor(s). In case a shareholder withdraws part or all of the contributed capital contrary to the provisions of this clause, such shareholder and persons with related interests in the Company must be jointly responsible for the debts and other asset obligations of the Company within the value of the withdrawn shares and the damages caused by such withdrawal.
3. To comply with the Charter of the Company and its internal regulations.
4. To comply with the resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.
5. To keep the information provided by the Company confidential in accordance with the Charter and law and only use the information provided to exercise and protect legitimate rights and interests. It is strictly forbidden to disseminate or copy or send information provided by the Company to other organizations or individuals.
6. To participate in the General Meetings of Shareholders and exercise their voting rights via the following forms:
 - a) Directly participating and voting at the meeting.
 - b) Authorizing an individual or an organization to participate and vote at the meeting.
 - c) Participating and voting via an online meeting, electronic voting or other electronic methods.
 - d) Sending ballots to the meeting via mail, fax or e-mail;
7. Accepting personal responsibility when performing one of the following acts in the name of the Company in any form:
 - a) Violating the law.
 - b) Conducting business activities or other transactions for personal benefit or serving the benefits of other organizations and individuals.
 - c) Paying debt not yet due in case of financial risk that may affect the Company.
8. Fulfilling other obligations in accordance with current law.

Article 16. General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders includes all shareholders with voting rights and is the highest authority of the Company. The General Meeting of Shareholders is held once a year and must be held within four months from the fiscal year-end. Unless otherwise prescribed by the Charter, the Board of Directors shall decide to extend the timing of the annual General Meeting of

Shareholders, if necessary, but it cannot be later than six months from the fiscal year-end. In addition to the annual meeting, the General Meeting of Shareholders may hold Extraordinary General Meetings of Shareholders. The venue for the General Meeting of Shareholders must be somewhere that the Chairperson can attend and be in Vietnam.

2. The Board of Directors shall convene the annual General Meeting of Shareholders and choose an appropriate location. The annual General Meeting of Shareholders shall decide issues as prescribed by the law and the Charter — particularly the approval of audited annual financial statements. In case the Company's audited financial statements contain material audit exceptions, adverse opinions or disclaimers of opinion, then the Company must invite a representative of its approved audit firm to attend the annual General Meeting of Shareholders — this representative is responsible for attending the annual General Meeting of Shareholders.

3. The Board of Directors must convene an Extraordinary General Meeting of Shareholders in the following cases:

a) The Board of Directors deems it necessary for the benefit of the Company.

b) The number of members of the Board of Directors and Supervisory Board is less than the minimum number of members as prescribed by the law.

c) Shareholders or groups of shareholders defined in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises request a meeting of the General Meeting of Shareholders. The request must be in writing that provides the reason and purpose of the meeting with sufficient signatures of relevant shareholders or a written request is made in multiple copies, each of which is signed by a relevant shareholder.

d) The Supervisory Board requests a meeting of the General Meeting of Shareholders.

dd) Other cases as prescribed by the law and this Charter.

4. Convening an Extraordinary General Meeting of Shareholders.

a) The Board of Directors must convene a meeting of the General Meeting of Shareholders within 30 days from the date on which members of the Board of Directors or the Supervisory Board request as prescribed by Point b, Clause 3 of this Article or when receiving the request as prescribed by Points c and d, Clause 3 of this Article.

b) If the Board of Directors fails to convene the General Meeting of Shareholders as prescribed by Point a, Clause 4 of this Article, within the next 30 days, the Supervisory Board must then replace the Board of Directors in convening the General Meeting of Shareholders as prescribed by Clause 3, Article 140 of the Law on Enterprises;

c) If the Supervisory Board fails to convene the General Meeting of Shareholders as prescribed by Point b, Clause 4 of this Article, the shareholders or groups of shareholders prescribed by Point c, Clause 3 of this Article then have the right to request the Company's representative to convene the General Meeting of Shareholders as prescribed by the Law on Enterprises.

In this case, shareholders or groups of shareholders that convene a meeting of the General Meeting of Shareholders may request the Business Registration Authority to supervise the process and procedures for convening and holding meeting of the General Meeting of

Shareholders and making decisions at the meeting. All expenses for convening and holding a meeting of the General Meeting of Shareholders shall be reimbursed by the Company. These expenses do not include those borne by shareholders for attending the General Meeting of Shareholders, including accommodation and travel expenses.

d) Procedures for organizing the General Meeting of Shareholders are specified in Clause 5, Article 140 of the Law on Enterprises.

Article 17. Rights and obligations of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders has following rights and obligations:

- a) To approve the development plan of the Company.
- b) To decide the type of share and number of newly issued shares for each type of share as well as to decide the annual dividend rate for each type of share.
- c) To elect, dismiss or remove members of the Board of Directors and Supervisory Board.
- d) To decide to invest or sell assets that are worth at least 35% of the total assets of the Company stated in the latest audited financial statement.
- dd) To decide to supplement and amend the Company's Charter.
- e) To approve annual financial statements.
- g) To decide a share repurchase of more than 10% of total shares of each type.
- h) To inspect and handle violations of members of the Board of Directors and Supervisory Board that cause damage to the Company and its shareholders.
- i) To decide to reorganize or dissolve the Company.
- k) To decide the budget or total remuneration, bonuses and other benefits for the Board of Directors and Supervisory Board.
- l) To approve internal regulations on corporate governance and operational regulations for the Board of Directors and Supervisory Board.
- m) To approve a list of qualified audit firms, select an audit firm that is approved to audit the Company's operations and dismiss selected auditors if deemed necessary.
- n) Other rights and obligations as prescribed by the law.

2. The General Meeting of Shareholders may discuss and approve the following issues:

- a) Annual business plan of the Company.
- b) Audited annual financial statements.
- c) Report of the Board of Directors on the governance and performance of the Board of Directors and each member of the Board of Directors. In case the Company operates under the model specified in Point b, Clause 1, Article 137 of the Law on Enterprises, independent members of the Board of Directors are responsible for reporting at the Annual General Meeting of Shareholders as prescribed by Article 284 of Decree No. 155/2020/ND-CP, dated December 31, 2020, issued by the Government detailing the implementation of a number of articles stipulated in the Law on Securities.

d) Report of the Supervisory Board on business results of the Company and performance of the Board of Directors and General Director.

dd) Report on the self-assessment of the Supervisory Board and members of the

Supervisory Board.

e) Dividend rate for each share of each type.

g) Number of members of the Board of Directors and Supervisory Board.

h) To elect, dismiss and remove members of the Board of Directors and Supervisory Board.

i) To decide the budget or total remuneration, bonuses and other benefits for the Board of Directors and Supervisory Board.

k) To approve the list of qualified audit firms and select an audit firm that is approved to audit the Company's operations if deemed necessary.

l) To supplement and amend the Company's Charter.

m) Full division, partial division, consolidation, acquisition or change of the Company.

n) Reorganization and dissolution (liquidation) of the Company and appointment of a liquidator.

o) To decide to invest or sell assets that are worth at least 35% of the total assets of the Company as stated in its latest audited financial statement.

p) To decide share repurchasing of more than 10% of total shares of each type.

q) The Company has signed contracts and made transactions with the entities specified in Clause 1, Article 167 of the Law on Enterprises whose value are at least 35% of the total assets of the Company as stated in its latest financial statements.

r) To approve the transactions specified in Clause 4, Article 293 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated, December 31, 2020, issued by the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities.

s) To approve internal regulations on corporate governance and operational regulations of the Board of Directors and Supervisory Board.

t) Other issues as prescribed by the law and this Charter.

3. All resolutions and issues included in the meeting agenda must be discussed and voted upon at the General Meeting of Shareholders.

Article 18. Authorization for attending the General Meeting of Shareholders

1. Shareholders and authorized representatives of institutional shareholders can directly attend the meeting, authorize one or more individuals or organizations to physically attend the meeting or attend the meeting through one of the forms prescribed by Clause 3, Article 144 of the Law on Enterprises.

2. The authorization of representative individuals and organizations at the General Meeting of Shareholders as prescribed by Clause 1 of this Article must be made in writing. An authorization letter or a power of attorney is made in accordance with the civil law and must clearly state the name of authorizer, the name of authorized individual or authorized organization, the number of authorized shares, the authorization content, scope and period, and signatures of the authorizer and authorized party.

The person authorized to attend meeting of the General Meeting of Shareholders must submit a written authorization letter or a power of attorney when registering to attend the meeting.

In case of re-authorization, meeting attendees must present original authorization letters of authorizers or authorized representatives of institutional shareholders (if they have not been registered with the Company before).

3. The ballot of the person authorized to attend the meeting within the scope of authorization remains valid when one of the following cases occurs:

a) The authorizer has passed away, has his/her legal capacity restricted or loses his/her legal capacity.

b) The authorizer has cancelled the authorization.

c) The authorizer has cancelled the authority of the authorized person.

This provision does not apply in case the Company receives a notice on one of the aforementioned events before the opening the General Meeting of Shareholders or before the meeting is re-convened.

Article 19. Change of rights

1. The change or cancellation of special rights attached to a type of preference shares becomes valid if it is agreed by the attending shareholders representing at least 65% of the total amount of shares. A resolution of the General Meeting of Shareholders that results in an adverse change of rights and obligations of a preference shareholder will only be approved if it is agreed by attending preference shareholders of the same type representing at least 75% of the total amount of preference shares of such type or if it is agreed by preference shareholders of the same type representing at least 75% of the total amount of preference shares of such type, if such resolution is passed in the form of an absentee ballot.

2. The organization of a meeting attended by preference shareholders of the same type to approve the above change of rights becomes valid only when there are at least two (2) shareholders (or their authorized representatives) holding at least one-third (1/3) of the par value of the issued shares of such type. In case there is an insufficient number of delegates as mentioned above, then the meeting shall be reorganized within the next 30 days and merely by having attendance from shareholders of such type (irrespective of the number of shareholders and number of shares) who directly attend the meeting or assign authorized representatives, the meeting is regarded as having sufficient delegates required. At such meetings of preference shareholders, preference shareholders who directly attend the meeting or assign representatives may request a secret ballot. Each preference share of the same type has equal voting right at the aforementioned meetings.

3. Procedures for holding such separate meetings shall be implemented similar to the provisions in Articles 21, 22 and 23 of this Charter.

4. Unless otherwise stated in the terms for issuance of shares, special rights attached to types of preference shares applicable to some or all issues related to the distribution of profits or assets of the Company shall not be changed when the Company issues additional shares of the same type.

Article 20. Convening, agenda and announcement of the General Meeting of Shareholders

1. The Board of Directors shall convene the annual General Meeting of Shareholders or an Extraordinary General Meeting of Shareholders. An Extraordinary General Meeting of Shareholders is convened in accordance with the cases specified in Clause 3, Article 16 of this Charter.

2. The convener of the General Meeting of Shareholders shall conduct the following tasks:
a) Prepare a list of eligible shareholders to participate and vote at the General Meeting of Shareholders. The list of eligible shareholders to participate in the General Meeting of Shareholders shall be made no sooner than 10 days before the invitation to the General Meeting of Shareholders is sent. The announcement of closing the shareholder book for organizing the General Meeting of Shareholders must be public at least 20 days before the book closure date.

b) Prepare agenda and content.

c) Prepare documents.

d) Draft Resolution of the General Meeting of Shareholders based on the proposed contents of the meeting.

e) Determine the time and location for the organization of the General Meeting of Shareholders.

f) Notify and send invitations to the General Meeting of Shareholders to all eligible shareholders.

g) Other tasks related to the General Meeting of Shareholders.

3. The meeting invitation notice of the General Meeting of Shareholders shall be sent to all shareholders by a communication method to ensure it reaches the shareholders' contact address. The contact address of shareholders is one of the following types of information: registered head office address for organizations; permanent residence address; workplace address; phone number; email address; or any other address of the individual that they register with the Company as their contact address. In the case where the Company sends the meeting invitation notice of the General Meeting of Shareholders via email, the email address of the shareholder receiving the notice is the address saved and provided by the competent State authority in charge of Securities Depository and Clearing in Vietnam, or the email address registered by the shareholder with the company, and also be published on the website of the Company, the SSC and the Stock Exchange where the Company's shares are listed or traded.

The convener of the General Meeting of Shareholders shall send meeting invitations to all shareholders whose names are on the list of shareholders who are eligible to attend the meeting at least twenty-one (21) days before the opening date of the General Meeting of Shareholders (from the date on which the meeting invitation is properly sent). The agenda of the General Meeting of Shareholders and documents related to issues to be voted on at the meeting shall be sent to all shareholders and/or posted on the Company's website. In case documents are not attached to the meeting invitation to the General Meeting of Shareholders, then the meeting invitation must include the website address so that shareholders can access the documents, including:

a) The meeting agenda and documents used in the meeting.

b) A list and detailed information of candidates in case of election of members of the Board of Directors and Supervisory Board.

c) Ballots.

d) Draft resolutions applicable to each issue in the meeting agenda.

4. Shareholders or groups of shareholders specified in Clause 2, Article 14 of this Charter may propose issues to be included in the agenda of the General Meeting of Shareholders. The proposal must be in writing and sent to the Company at least three (3) working days prior to the opening date of the General Meeting of Shareholders. The proposal must include the shareholder's full name as well as number and type of shares held and the content to be included in the meeting agenda.

5. The convener of the General Meeting of Shareholders may reject the proposal specified in Clause 4 this Article in the following cases:

a) The proposal is not sent in due time or with inadequate and improper content.

b) At the time of proposal, shareholders or groups of shareholders do not hold at least 5% of total ordinary shares in accordance with Clause 2, Article 14 of this Charter.

c. The proposed issues are not within the scope of competence of the General Meeting of Shareholders.

d. Other cases as prescribed by the law and this Charter.

6. The convener of the General Meeting of Shareholders must accept and include proposed issues as specified in Clause 4 of this Article in the agenda and content of the General Meeting of Shareholders — except for cases specified in Clause 5 of this Article. Proposed issues shall be officially added into the agenda and content of the General Meeting of Shareholders if approved by the General Meeting of Shareholders.

Article 21. Conditions for holding the General Meeting of Shareholders

1. A General Meeting of Shareholders shall be held when it is attended by a number of shareholders who represent more than 50% of voting shares.

2. If the first General Meeting of Shareholders is not held because of not meeting the conditions specified in Clause 1 of this Article, then the invitation to second General Meeting of Shareholders shall be sent within 30 days from the intended date of the first meeting. The second General Meeting of Shareholders shall only be held when it is attended by a number of shareholders who represent at least 33% of voting shares.

3. If the second General Meeting of Shareholders is not held because of not meeting the conditions specified in Clause 2 of this Article, the invitation to third General Meeting of Shareholders shall then be sent within 20 days from the intended date of the second General Meeting of Shareholders. The third General Meeting of Shareholders shall be held regardless of the number of voting shares of the attending shareholders.

Article 22. Procedures for holding and voting at the General Meeting of Shareholders

1. Before opening the meeting, the Company must carry out procedures for the registration of shareholders and continue to carry out the registration until all shareholders who are

entitled to attend the meeting complete registration.

a) When carrying out the registration of shareholders, the Company shall issue each shareholder or authorized representative with voting rights a voting card containing the registration number and full name of the shareholder or the full name of the authorized representative and the number of votes of such shareholder. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote for each matter in the agenda of the meeting. The vote shall be affirmative, negative or absentee. The voting result shall be announced by the Chairperson before the end of the meeting. The meeting shall elect a person who is responsible for counting votes or supervising vote counting at the request of the Chairperson. The number of members of the vote counting committee shall be decided by the General Meeting of Shareholders based on the proposal of the Chairperson.

b) Shareholders or authorized participants who arrive after the opening of the meeting may register immediately and have the right to attend and vote at the meeting after registration. The Chairperson does not have the responsibility to pause the meeting for late shareholders to register and the effect of the issues voted on previously shall remain unchanged.

2. Election of Chairperson, Secretary and vote counting committee.

a) The Chairperson or an authorized member of the Board of Directors shall chair the meetings convened by the Board of Directors. In case the Chairperson is temporarily absent or not capable of working, other members of the Board of Directors shall elect one member to chair the meeting under majority rule. If a Chairperson is not elected, then the Head of the Supervisory Board shall direct the General Meeting of Shareholders to elect a Chairperson within the people in attendance; the person who receives the most votes shall chair the meeting.

b) Except for the case specified in Point a of this Clause, the person who signs the decision to convene the General Meeting of Shareholders shall direct the General Meeting of Shareholders to elect a chairperson; the person who receives the most votes shall chair the meeting.

c) The Chairperson shall select one or more people to the Secretariat of the meeting.

d) The General Meeting of Shareholders shall elect one or more people to the vote counting committee based on the proposal of the Chairperson.

3. The agenda and content must be approved by the General Meeting of Shareholders during the opening session. The agenda must clearly identify a specific time for each issue.

4. The Chairperson is entitled to take necessary action to control the meeting in an orderly and legal manner and in conformity with the approved agenda so that it reflects demand of the majority of participants.

a) Arrange seats at the meeting venue of the General Meeting of Shareholders.

b) Ensure safety of everyone who is present at the meeting venue.

c) Enable shareholders to attend (or continue to attend) the meeting. The convener of the General Meeting of Shareholders reserves the right to change the abovementioned measures and apply all necessary measures. Applicable measures may include the issuance of admission or other options.

5. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote for each matter in the

agenda of the meeting. The vote shall be affirmative, negative or absentee. The voting result shall be announced by the Chairperson before closing the meeting.

6. Shareholders or authorized representatives who arrive after the opening of the meeting can still register and have the right to attend and vote at the meeting after registration. In this case, the effect of the issues previously voted shall remain unchanged.

7. The convener or the Chairperson has following rights:

a) To request all participants to undergo inspection or other legitimate and reasonable security measures.

b) To request a competent authority to maintain order of the meeting as well as reject or expel people who do not comply with the guidance of the convener, intentionally disturb the order of the meeting, prevent the meeting from happening, and/or refuse to comply with regulations on inspection or the abovementioned security measures.

8. The Chairperson may postpone the meeting with sufficient attendants no later than three (3) working days from intended opening date of the meeting and can only postpone or change meeting venue because of following reasons:

a) The meeting venue does not have enough seats for all attendants.

b) The means of communication at meeting venue do not guarantee that all registered shareholders can participate, discuss and vote.

c) There are people who disturb the order of the meeting and may cause the meeting to be conducted in not a fair and/or legal manner.

9. In case the Chairperson delays or postpones the General Meeting of Shareholders in a contrary way to provisions as specified in Clause 8 of this Article, the General Meeting of Shareholders shall elect a different person attending the meeting to replace the Chairperson and direct the meeting until the end; all resolutions that are passed at the meeting shall have full effect.

10. In case the Company conducts the General Meeting of Shareholders via an online meeting, the Company is responsible to ensure that all shareholders can participate and vote online or through other electronic forms in accordance with Article 144 of the Law on Enterprise and Clause 3, Article 273 of Decree 155/ND-CP, dated December 31, 2020, of the Government detailing guidance of certain articles of Law on Securities.

Article 23. Approval of decisions of the General Meeting of Shareholders

1. Resolution of the General Meeting of Shareholders on the following issues shall be approved if it is approved by shareholders holding at least 65% of the total number of votes of all attending and voting shareholders, except for the cases specified in Clauses 3, 4 and 6, Article 148 of the Law on Enterprise:

a) Type of shares and number of shares offered;

b) Change in business line and/or operating activities ;

c) Change in the Company's management organization structure ;

d) Investment project or sale of Company's assets that are worth 35% or more of the total assets of the Company based on the most recent audited financial statements.

dd) Reorganization or dissolution of the Company;

2. A resolution of the General Meeting of Shareholders shall be passed by voting at the meeting if it is approved by shareholders holding more than 50% of the total number of votes of all attending and voting shareholders, except for the cases specified in Clause 1 of this Article and Clauses 3, 4 and 6, Article 148 of the Law on Enterprise.

3. Resolutions approved with 100% voting shares by the General Meeting of Shareholders shall have immediate validity and effect despite procedural errors in convening the meeting and in the approval of such resolutions.

Article 24. Competence and formalities to obtain shareholder opinions in writing to approve decisions of the General Meeting of Shareholders

Competence and formalities to obtain shareholder opinions to approve decisions of the General Meeting of Shareholders shall comply with following regulations:

1. The Board of Directors has the right to obtain shareholder opinions in writing to approve decisions of the General Meeting of Shareholders if deemed necessary for the benefit of the Company, including issues specified in Clause 2, Article 147 of the Law on Enterprise and Clause 2, Article 17 of this Charter.

2. The Board of Directors must prepare absentee ballots, draft resolutions of the General Meeting of Shareholders and other documents explaining the draft resolutions and send them to eligible shareholders at least 10 days before the expiration date of receipt of the ballot. Requirements and formalities for sending the ballot and attached documents shall comply with Clause 3, Article 20 of this Charter.

3. An absentee ballot shall contain:

a) Name, enterprise registration number and address of head office.

b) Purpose.

c) Full name, contact address, nationality, ID number, passport or other lawful personal identification of shareholders who are persons; or name, enterprise registration number or establishment decision number, address of head office of shareholders as organizations or name, contact address, nationality, ID number or other lawful personal identification of representatives of shareholders that are organizations; and number of shares of each type and number of votes of each shareholder.

d) Issues that need voting for approval.

dd) Voting options, including affirmative, negative and abstentions on each issue.

e) Deadline for submitting completed absentee ballots to the Company.

g) Full name and signature of the Chairperson of the Board of Directors.

4. Shareholders can send completed absentee ballots to the Company via mail, fax or email in the following manners:

a) By mail: Absentee ballots must have the signature of a shareholder who is a person or an authorized representative or a legal representative of a shareholder who is an organization. Every absentee ballot sent to the company must be put into sealed envelopes. Envelopes must not be opened before vote counting.

b) By fax or email: Absentee ballots sent by fax or email must be kept confidential until

vote counting.

c) Absentee ballots sent to the Company after the deadline written therein, absentee ballots sent by mail in envelopes that are opened or absentee ballots sent by fax or email that are revealed before vote counting are all invalid. If an absentee ballot is not submitted, it will be excluded from voting.

5. The Board of Directors shall count votes and make vote counting minutes under the supervision from the Supervisory Board or shareholders who do not hold managerial positions in the Company. Vote counting minutes must contain following information:

- a) Name, enterprise registration number and address of the head office.
- b) Purposes and issues that need to be voted for approving the resolution.
- c) Number of shareholders and total number of votes cast — in which separate numbers of valid and invalid votes are separated — and methods of sending ballots are enclosed with the list of voting shareholders.
- d) Total number of affirmative votes, negative votes and abstentions on each issue.
- e) Approved issues and corresponding ratio of affirmative votes.
- f) Full name and signature of the Chairperson, vote counters and vote counting supervisors.

Members of the Board of Directors, vote counters and vote counting supervisors are jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the vote counting minutes as well as for damages caused by decisions approved by the General Meeting of Shareholders because of untruthful or incorrect vote counting.

6. The vote counting minutes shall be sent to all shareholders within 15 days from the completion date of vote counting. If the Company has a website, then the vote counting minutes may be posted on the website instead of being sent to all shareholders within 24 hours from the completion of vote counting.

7. Absentee ballots, vote counting minutes, approved resolutions and relevant documents enclosed with ballots shall be kept at the Company's head office.

8. Resolutions approved by absentee voting must be approved by a number of shareholders representing more than 50% of voting shares and are as valid as those approved at meetings of the General Meeting of Shareholders.

Article 25. Resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders must be recorded in writing and can be recorded in audio or other electronic means. Meeting minutes must be made in Vietnamese and may be made in other languages and have the following information:

- a) Name, enterprise registration number and address of the head office.
- b) Time and location of the General Meeting of Shareholders.
- c) Meeting agenda and content.
- d) Full names of the Chairperson and Secretaries.
- dd) Summary of the meeting and opinions expressed at the General Meeting of Shareholders for issue on the agenda.

e) Number of shareholders and total number of votes of attending shareholders, list of registered shareholders or representatives of shareholders with corresponding amount of shares and votes.

g) Total number votes on each issue, specifying the voting method and numbers of valid votes, invalid votes, affirmative votes, negative votes and abstentions as well as the corresponding ratio to total votes of attending shareholders.

h) Approved issues and corresponding ratio of affirmative votes.

i) Full name and signatures of the Chairperson and Secretaries. In case the Chairperson and Secretaries refuse to sign the meeting minutes, then the meeting minutes shall have full effect if signed by the remaining members of Board of Directors attending the General Meeting of Shareholders and have the full information as required by this Clause. Meeting minutes shall clearly mention that the Chairperson and Secretaries have refused to sign meeting minutes.

2. Meeting minutes of the General Meeting of Shareholders must be completed and approved before the end of the meeting. The Chairperson and the Secretaries or other persons who sign the meeting minutes are jointly responsible for the truthfulness and accuracy of meeting minutes.

3. Meeting minutes made in Vietnamese and other languages shall have equal legal effectiveness. In case of any discrepancies between Vietnamese version and other language versions, the Vietnamese version shall prevail.

4. Resolutions, meeting minutes of the General Meeting of Shareholders, list of registered shareholders with signatures, appointments of authorized representatives and relevant documents, and documents relating to invitation to the General Meeting of Shareholders must be disclosed in accordance with regulations on disclosure of information on the securities market and kept at the Company's head office.

Article 26. Request for annulment of resolutions of the General Meeting of Shareholders

Within 90 days from the date of receiving resolutions, meeting minutes of the General Meeting of Shareholders or the vote counting minutes, shareholders or groups of shareholders as specified in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprise may request a court or arbitral tribunal to consider and annul resolutions of the General Meeting of Shareholders — either in whole or in part — in the following cases:

1. Procedures for convening meetings or absentee voting and making decisions of the General Meeting of Shareholders seriously violate the Law on Enterprise and this Charter — except for the case specified in Clause 3, Article 23 of this Charter.

2. Content of resolutions contravene the law and/or the Company's charter.

VII. BOARD OF DIRECTORS

Article 27. Nomination of members for the Board of Directors

1. When candidates have been identified, the Company must release public information about the candidates on the Company's website at least 10 days before the opening day of the General Meeting of Shareholders so that shareholders can learn about the candidates before

voting. Candidates for the Board of Directors must make a written commitment regarding the truthfulness and accuracy of their information and commit to perform their duties in the best interests of the Company if they are elected as members of the Board of Directors. Published information related to candidates of the Board of Directors must include:

- a) Full name and date of birth.
- b) Educational qualifications.
- c) Work experience.
- d) Other managing positions (including being members of the Board of Directors at other companies).
- e) Interests related to the Company and other related parties to the Company.
- f) Other information (if any) as prescribed by this Charter.
- g) A public company shall be responsible for disclosing information about companies in which candidates are members of Board of Directors, other management titles and interests related to companies of candidates for the Board of Directors (if any).

2. Shareholders or groups of shareholders owning 10% or more of total ordinary shares have the right to nominate candidates for the Board of Directors in accordance with the Law on Enterprises and the Company's charter. Details are as follows:

Shareholders — or a group of shareholders — owning from 10% to less than 20% of total shares have the right to nominate at most one member; nominate at most two members in the case of owning from 20% to less than 30%; nominate at most three members in the case of owning from 30% to less than 40%; nominate at most four members in the case of owning from 40% to less than 50%; nominate at most five members in the case of owning from 50% to less than 60%; nominate at most six members in the case of owning from 60% to less than 70%; nominate at most seven members in the case of owning from 70% to less than 80%; and nominate maximum number of members of the Supervisory Board in the case of owning from 80% or more.

3. In case the number of candidates for the Board of Directors through nomination and self-nomination is still insufficient as prescribed by Clause 5, Article 115 of the Law on Enterprises, then the incumbent members of the Board of Directors shall introduce more candidates or organize nomination as prescribed by the Company's Charter, internal regulations on corporate governance and operation regulations of the Board of Directors. The introduction of additional candidates by incumbent members of the Board of Directors must be clearly announced before the General Meeting of Shareholders votes to elect members of the Board of Directors in accordance with the provisions of law.

4. Members of the Board of Directors must meet the standards and conditions as prescribed in Clause 1, 2 Article 155 of the Law on Enterprises and the Company's Charter.

Article 28. Composition and term of members of the Board of Directors

1. The number of members of the Board of Directors is at least five (5) people and at most eleven (11) people.

2. The term of members of the Board of Directors shall not exceed five (5) years and members may be re-elected with an indefinite number of terms. An individual may only be elected

business plan.

b) To recommend types of shares and the total number of shares entitled to be offered for sale of each type.

c) To decide to sell unsubscribed shares within the number of shares entitled to be offered for sale of each type and on raising capital in other forms.

d) To decide the offering price of shares and bonds issued by the Company; to decide on the issuance of bonds to the public, including but not limited to the issuance plan, the plan for utilization and repayment of proceeds from the public offering of bonds; to decide on the listing of bonds on the securities trading system; and to approve dossiers and carry out related procedures.

e) To decide share buybacks as prescribed by Clauses 1 and 2, Article 133 of the Law on Enterprises.

f) To decide investment plans and investment projects within the authority and limits of the Board of Directors as prescribed by Law.

g) To decide solutions for market development, marketing and technology.

h) To approve contracts for purchase, sale, borrowing, lending and other transactions that are worth at least 35% or more of the total value of assets recorded in the latest financial statements and contracts and transactions under the authority of the General Meeting of Shareholders as prescribed by Point d, Clause 2 of Article 138 and Clauses 1 and 3, Article 167 of the Law on Enterprises.

i) To elect and dismiss the Chairperson; appoint, dismiss, sign or terminate contracts with General Director and other important executives prescribed by the Company's Charter; decide on salary, remuneration, bonuses and other interests of such executives; nominate authorized representatives to participate in the Members' Council or the General Meeting of Shareholders at other companies and decide remuneration levels and other interests of such persons.

j) To supervise and direct the General Director and other executives in managing the day-to-day business of the Company.

k) To decide on the organizational structure and internal regulations on corporate governance; decide to establish subsidiaries, branches, representative offices and capital contribution and purchase of shares of other companies.

l) To approve the agenda and documents for meetings of the General Meeting of Shareholders, convene meetings of the General Meeting of Shareholders or consult with the General Meeting of Shareholders to approve resolutions.

m) To propose audited annual financial statements to the General Meeting of Shareholders.

n) To recommend the dividend rate and decide the timing and procedures for paying dividends or deal with losses in the course of business.

o) To recommend the reorganization or liquidation of the Company and/or file for bankruptcy.

p) To decide on the promulgation of the operation regulations of the Board of Directors

and the Internal Regulations on Corporate Governance after they are approved by the General Meeting of Shareholders; decide on the promulgation of operation regulations of the Audit Committee that is directly under the Board of Directors and regulations on information disclosure of the Company.

q) Other rights and obligations in accordance with the Law on Enterprises, Law on Securities, other provisions of law and the Company's Charter.

3. The Board of Directors must report to the General Meeting of Shareholders on the performance of the Board of Directors as prescribed by Article 280 of Decree No. 155/2020/ND-CP, dated December 31, 2020, detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities.

Article 30. Remuneration, bonuses and other benefits for members of the Board of Directors

1. The Company has the right to pay remuneration and bonuses to members of the Board of Directors based on business results.

2. Members of the Board of Directors are entitled to receive remuneration and bonuses.

Remuneration is calculated based on the number of days required to complete the duties of members of the Board of Directors and the remuneration rate per day. The Board of Directors estimates remuneration for each member on the principle of consensus. The total remuneration and bonuses of the Board of Directors are decided by the General Meeting of Shareholders at the annual general meeting.

3. The remuneration of each member of the Board of Directors shall be included in the Company's business expenses in accordance with the law on corporate income tax, is represented in separate items in the Company's annual financial statements and must be reported to the annual General Meeting of Shareholders.

4. Members of the Board of Directors holding executive positions or members of the Board of Directors working at sub-departments of the Board of Directors or performing other tasks outside of the scope of normal duties of a member of the Board of Directors may be paid additional remuneration in the form of a one-time fee for each installment, salary, commission, percentage of profit or otherwise as decided by the Board of Directors.

5. Members of the Board of Directors have the right to be refunded for all travel, accommodation and other reasonable expenses that they incur when they perform their responsibilities, including expenses relating to the General Meeting of Shareholders, meetings of the Board of Directors or meetings of sub-departments of the Board of Directors.

6. Members of the Board of Directors may receive professional liability insurance purchased by the Company after the approval of the General Meeting of Shareholders. This insurance does not include insurance for responsibility of members of the Board of Directors in connection with violations of law and the Company's Charter.

Article 31. Chairperson

1. The Chairperson is elected from members of the Board of Directors or dismissed by members of the Board of Directors.

2. The Chairperson must not act as General Director.
3. The Chairperson has the following rights and obligations:
 - a) To prepare operation plans for the Board of Directors.
 - b) To prepare the agenda, content and documents for meetings as well as convene and preside at meetings of the Board of Directors.
 - c) To organize processes to approve resolutions and decisions of the Board of Directors.
 - d) To supervise the implementation of resolutions and decisions of the Board of Director.
 - e) To preside at meetings of the General Meeting of Shareholders.
 - f) Other rights and obligations as prescribed by the Law on Enterprise and the Company's Charter.

4. In case the Chairperson resigns or is dismissed, then the Board of Directors must elect a replacement within 10 days from the date of receiving the resignation letter or dismissal.

5. In case the Chairperson is absent or unable to perform his/her duties, he/she must authorize in writing another member to perform the rights and obligations of the Chairperson on the principles specified in the Company's Charter. In case there is not any authorized person or the Chairperson dies, is missing, detained, imprisoned, under administrative measures at a mandatory drug treatment facility or mandatory educational facility, fleeing, restricted or losing his/her civil act capacity, having difficulty in perception, mastering acts, or banned from holding certain duties by courts, practicing certain occupations or doing certain jobs, the remaining members of the Board of Directors shall elect one of them to become the Chairperson via a majority vote or until a new decision of the Board of Directors is issued.

Article 32. Meetings of the Board of Directors

1. The Chairperson is elected at the first meeting of the Board of Directors within seven (7) working days from the date of election of members of the Board of Directors. This meeting is convened and chaired by the member with the highest number of votes or the highest percentage of votes. In case there is more than one member who has the highest and equal number of votes or the highest percentage of votes, then members will select one of them via a majority vote to convene the meeting.

2. The Board of Directors must have at least one meeting per quarter and may have extraordinary meetings.

3. The Chairperson convenes a meeting of the Board of Directors in the following cases:

a) At the request of the Supervisory Board or independent members of the Board of Directors.

b) At the request of the General Director or at least five (5) other executives.

c) At the request of at least two (2) members of the Board of Directors.

4. The proposal specified in Clause 3 of this Article must be made in writing and clearly state the purpose and issues to be discussed and decided within authority of the Board of Directors.

5. The Chairperson must convene a meeting of the Board of Directors within seven (7) working days after receiving the proposal specified in Clause 3 of this Article. In case of not

convening a meeting of the Board of Directors, the Chairperson shall be liable for damages caused to the Company. Individuals specified in Clause 3 of this Article have the right to convene a meeting of the Board of Directors.

6. The Chairperson or convener of the meeting of the Board of Directors must send invitation notices no later than three (3) working days before the meeting date. The meeting invitation must specify the meeting time, venue and agenda in addition issues to be discussed and decided. Documents used at the meeting and ballots must be attached to the meeting invitation.

A notice of invitation to the meeting of the Board of Directors can be sent by letter of invitation, telephone, fax, electronic means or other methods prescribed by the Company's Charter and be guaranteed to reach registered contact address of each member of the Board of Directors.

7. The Chairperson or the convener needs to also send the notice of invitation and accompanying documents to members of the Supervisory Board.

Members of the Supervisory Board have the right to attend meetings of the Board of Directors and have the right to participate in discussion but not to vote.

8. Meetings of the Board of Directors are conducted when at least three-fourths (3/4) of the total number of members attend the meeting. In case there are not enough members, the meeting shall be convened for the second time within seven (7) days from the date of the planned first meeting. In this case, the meeting will be conducted if more than half (1/2) of members attend the meeting.

9. Members of the Board of Directors are deemed to attend and vote at meetings of the Board of Directors in the following cases:

- a) Attending and voting at the meeting.
- b) Authorizing others to attend and vote at the meeting as prescribed by Clause 11 of this Article.
- c) Attending and voting through online conferences, electronic voting or other electronic forms.
- d) Sending ballots to meetings via mail, fax or email.

10. In the case of sending ballots to the meeting via mail, ballots must be contained in a sealed envelope and be forwarded to the Chairperson no later than one (1) hour before the opening of the meeting. Ballots are opened only in the witness of all attendees.

11. Members must attend all meetings. Members may authorize others to attend meetings and vote if they are approved by other members of the Board of Directors via a majority vote.

12. Resolutions and decisions of the Board of Directors are passed with a majority vote. In the case the number of affirmative votes and number of negative votes are equal, then the Chairperson will make the final decision.

Article 33. Sub-committees of the Board of Directors

1. The Board of Directors may establish sub-committees to be in charge of developing policy, human resources, salary, internal audit and risk management. The number of members of the sub-committee is decided by the Board of Directors but there must be least three (3) people, including members of the Board of Directors and external members. The operation of the sub-

committee must comply with regulations of the Board of Directors. Resolutions of the sub-committee are effective only when a majority of members attend and vote at meetings of the sub-committee.

2. The implementation of decisions of the Board of Directors or sub-departments under the Board of Directors must comply with current legal provisions, the provisions of the Company's Charter and internal regulations on corporate governance.

Article 34. Individuals in charge of corporate governance

1. The Board of Directors must appoint at least one (1) person who is in charge of corporate governance to support the corporate governance of the Company. The person who is in charge of corporate governance may concurrently act as secretary of the Company as prescribed by Clause 5, Article 156 of the Law on Enterprises.

2. The person who is in charge of corporate governance must not simultaneously work for the approved auditing organization that is auditing the Company's financial statements.

3. The person who is in charge of corporate governance has following rights and obligations:

a) To advise the Board of Directors on the organization of the General Meeting of Shareholders in accordance with regulations and related work between the Company and shareholders.

b) To prepare meetings of the Board of Directors, Supervisory Board and General Meeting of Shareholders at the request of the Board of Directors or the Supervisory Board.

c) To advise on meeting procedures.

d) To attend meetings.

e) To advise on procedures for preparing resolutions of the Board of Directors in accordance with the law.

f) To provide financial information, copies of meeting minutes of the Board of Directors and other information to members of the Board of Directors and Supervisory Board.

g) To supervise and report to the Board of Directors regarding the Company's information disclosure activities.

h) To be a contact between parties with related interests.

i) To maintain confidentiality of information in accordance with the law and the Company's Charter.

j) Other rights and obligations as prescribed by Law and the Company's Charter.

VIII. GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES

Article 35. Organization of management structure

The management structure of the Company must ensure that the management team bears responsibility before the Board of Directors and its daily activities are subject to inspection and supervision of the Board of Directors. The company has a General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managing positions appointed by the Board of Directors. The appointment, dismissal and removal of the above positions must be ratified by resolutions of the Board of Directors.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30

Article 36. Executives

1. Executives include a Board of Management (General Director and Deputy General Directors), Chief Accountant and other managing positions as prescribed by this Charter.

2. At the request of the General Director and the approval of the Board of Directors, the Company may recruit other executives with the quantity and quality consistent with the structure and management regulations of the Company regulated by the Board of Directors. The executives must be diligent to support the Company to achieve its operational and organizational goals.

3. The General Director will receive a salary and bonus. The salary and bonus shall be decided by the Board of Directors.

4. Executive salaries will be recognized as operating expenses of the Company in accordance with the law on corporate income tax and presented separately in annual financial statements of the Company and reported to the General Meeting of Shareholders.

Article 37. Appointment, removal and duties & powers of the General Director

1. The Board of Directors shall appoint one (1) member of the Board of Directors or hire another person to undertake the position of General Director.

2. The General Director shall manage the Company's day-to-day business operation and is supervised by as well as responsible before the Board of Directors and the law in performing his/her assigned rights and duties.

3. The General Director shall have a term of up to five (5) years and may be reappointed indefinitely. The General Director is not a person prohibited to hold this position by law provisions and he/she must comply with the standards and regulations of the law and the Company's Charter.

4. The General Director shall have following rights and obligations:

a) To make decisions on all matters arising from the day-to-day business operation of the Company that do not fall within the authority of the Board of Directors.

b) To implement resolutions and decisions of the Board of Directors.

c) To implement the business plan and investment strategy of the Company.

d) To propose corporate structuring plans and internal management regulations.

dd) To appoint, dismiss and remove executives — except those who are appointed, dismissed or removed by the Board of Directors.

e) To decide on salaries and other benefits of employees, including executives appointed under authority of the General Director.

g) To hire employees.

h) To propose the dividend plan or settlement of losses of the Company.

i) Other rights and obligations of prescribed laws, the Company's Charter and the resolutions and decisions of the Board of Directors.

5. The Board of Directors may dismiss the General Director if it is approved by a majority of Board members in a meeting and appoint a new General Director for a replacement.

IX. SUPERVISORY BOARD

Article 38. Nomination of members for the Supervisory Board

1. The nomination of members of the Supervisory Board shall be implemented similar to the provisions in Clauses 1 and 2, Article 27 this charter.

2. In case the number of candidates for the Supervisory Board through nomination and self-nomination fails to reach the required number, the current Supervisory Board may nominate additional candidates or organize the nomination in accordance with the mechanism prescribed by the Company's Charter, internal regulations on corporate governance and operating regulations of the Supervisory Board. The mechanism of nominating candidates by the Supervisory Board must be published clearly before the General Meeting of Shareholders votes to elect members for the Supervisory Board as prescribed by law.

Article 39. Members of the Supervisory Board

1. The number of members of the Supervisory Board of the Company is from three (3) to five (5) people. Members of the Supervisory Board have a term of office of up to five (5) years and can be re-elected for an indefinite number of terms.

2. A member of the Supervisory Board must meet the criteria and conditions prescribed by Article 169 of the Law on Enterprises and must not:

- a) Work in the accounting and finance department of the Company.
- b) Be a member or employee of the independent audit firm auditing the financial statements of the Company over the last three (3) years.

3. A member of Supervisory Board shall be dismissed in following cases:

a) If he/she no longer satisfies the standards and conditions for members of Supervisory Board prescribed by Clause 2 of this Article.

b) Submission of resignation letter and obtaining approval to resign.

4. A member of Supervisory Board shall be removed from his/her position in following cases:

- a) If he/she fails to fulfill assigned tasks or duties.
- b) If he/she fails to exercise his/her rights and obligations for six (6) consecutive months — except in the case of force majeure.

c) If he/she commits serious or repeated violations against the obligations of members of the Supervisory Board as prescribed by the Law on Enterprises and the Company's Charter.

d) Other cases by decisions of the General Meeting of Shareholders.

Article 40. Head of the Supervisory Board

1. The Supervisory Board shall select one member to become the Head of the Supervisory Board. The Head of the Supervisory Board shall be elected and dismissed under majority rule. The rights and obligations of the Head of the Supervisory Board shall be specified in the Company's charter. More than half of members of the Supervisory Board shall have permanent residences in Vietnam. The Head of the Supervisory Board should have a bachelor's degree in economics, finance, accounting, auditing, law, business administration or a major that is relevant to the Company's business operation.

2. The Head of Supervisory Board shall have following rights and obligations:

- a) To convene meetings of the Supervisory Board.

b) To request the Board of Directors, General Director and other executives to provide relevant information to report to the Supervisory Board.

c) To prepare and sign reports of the Supervisory Board after asking the Board of Directors to give comments before submitting reports to the General Meeting of Shareholders.

Article 41. Rights and obligations of the Supervisory Board

The Supervisory Board shall have rights and obligations as prescribed by Article 170 of the Law on Enterprises as well as the following rights and obligations:

1. To propose and recommend the General Meeting of Shareholders to approve a list of independent audit firms for auditing the financial statements of the Company as well as decide the approved audit firm to inspect the Company's operation and remove approved auditors if necessary.

2. To bear responsibility before shareholders for monitoring activities.

3. Supervise financial status of the Company, compliance of activities of members of the Board of Directors, the General Director and other executives.

4. To ensure coordination with the Board of Directors, General Director and shareholders.

5. In case of a violation against regulations of law or the Company's Charter committed by a member of the Board of Directors, General Director or other executives, it must be notified in written to the Board of Directors within 48 hours and the Supervisory Board must ask offenders to stop violation and find solutions.

6. To prepare operating regulations of the Supervisory Board and submit them to the General Meeting of Shareholders for approval.

7. To report to the General Meeting of Shareholders as prescribed by Article 290 of Decree No. 155/2020/NĐ-CP, dated December 31, 2020, providing detailed provisions and guidelines for implementing certain articles of the Law on Securities.

8. Have the right to access the Company's documents at the head office, branches and other locations as well as enter the workplaces of executive and employee during working hours.

9. Have the right to request the Board of Directors, members of the Board of Directors, General Director and other executives to fully and promptly provide information and documents relating to operation and administration of the Company.

10. Other rights and obligations as prescribed by the law and this Charter.

Article 42. Meetings of the Supervisory Board

1. The Supervisory Board must hold meetings at least two (2) times a year and a meeting can only be held when at least two-thirds (2/3) of members of the Supervisory Board attend. Meeting minutes of the Supervisory Board shall be prepared in detail. Meeting minutes must be signed by members of the Supervisory Board who attend meetings and the person who prepares meeting minutes. The minutes must be carefully kept to determine the responsibility of each member of the Supervisory Board.

2. The Supervisory Board has the right to request the Board of Directors, General Director and representative of the approved audit firm to attend and address issues that need to be clarified.

Article 43. Salary, bonuses and other benefits of members of the Supervisory Board

The salary, bonuses and other benefits of members of the Supervisory Board shall be implemented as follows:

1. Members of the Supervisory Board will receive salary, bonuses and other benefits that are pursuant to the decision of the General Meeting of Shareholders. The General Meeting of Shareholders decides total salary, bonuses, other benefits and annual operating budget of the Supervisory Board.

2. Reasonable costs for food, accommodation, travel and independent counseling services of members of the Supervisory Board shall be reimbursed. This cost must not exceed the annual operating budget of the Supervisory Board that is approved by the General Meeting of Shareholders — unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders.

3. The salary and operating costs of the Supervisory Board shall be recorded as the Company's expenses in accordance with regulations of the law on corporate income tax and relevant laws and presented in a separate section in the Company's annual financial statement.

X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, SUPERVISORY BOARD, GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES

Board members, members of the Supervisory Board, the General Director and other executives are responsible for executing their duties honestly for the benefit of the Company, including duties as members of sub-committees of the Board of Directors.

Article 44. Truthful responsibilities and avoidance of conflicts of interest

1. Members of the Board of Directors and Supervisory Board as well the General Director and other executives must disclose their related interests as prescribed by the Law on Enterprises and other relevant laws.

2. Board members, members of Supervisory Board, the General Director, other executives and their related parties shall only use information obtained via their positional influence in the interests of the Company.

3. Members of the Board of Directors and Supervisory Board as well as the General Director and other executives shall be obliged to inform in writing to the Board of Directors and Supervisory Board about transactions between the Company, subsidiaries and other companies with 50% or more of charter capital controlled by the Company and itself or its related persons in compliance with the law. After the aforementioned transactions are approved by the General Meeting of Shareholders or Board of Directors, the Company must publish related resolutions in accordance with provisions of the Law on Securities governing the disclosure of information.

4. Members of the Board of Directors are not allowed to vote for transactions that are beneficial for these members or their related persons in compliance with the Law on Enterprises and this Charter.

5. Members of the Board of Directors and Supervisory Board as well as the General Director, other executives and their related persons must not use or disclose insider information to others to carry out related transactions.

6. Transactions between the Company and one or more members of Board of Directors,

members of the Supervisory Board, General Director, other executives and their related persons and organizations shall not be void in following cases:

a) Any transaction that has a total value of less than or equal to 35% of the total value of assets recorded in the latest financial statements, key contract/transaction terms as well as relationships and interests of a member of Board of Directors, a member of the Supervisory Board, General Director and other executives are reported to and approved by members of the Board of Directors who do not have relevant interests via majority votes.

b) Any transaction that has the total value of more than 35% or transaction leading to total transaction value arising within 12 months from the date of the first transaction of 35% or more of the total value of assets recorded in the latest financial statements, key contract/transaction terms as well as relationships and interests of a member of Board of Directors, a member of the Supervisory Board, the General Director and other executives are reported to and approved by members of the Board of Directors who do not have relevant interests via majority votes.

Article 45. Responsibilities for damage and compensation

1. Board members, members of Supervisory Board, the General Director and other executives who violate their truthful responsibilities and prudent obligations or fail to fulfill their obligations shall bear responsibility for damage caused by their acts of violation.

2. The Company shall pay compensation for those who have, are or may become a party involved in a complaint, lawsuit or prosecution (including civil and administrative cases — not lawsuits initiated by the Company as the petitioner) if that person was or is a member of the Board of Directors or Supervisory Board, General Director, other executive, employee or representative authorized by the Company worked or is working honestly, prudently and diligently for the interests of the Company on the basis of compliance with law and there is no evidence to confirm that the person has violated his/her responsibilities.

3. Compensation expenses include judgment expense, fines and payables arising in reality (including attorney's fees) when dealing with these cases within the framework of law. The Company can buy insurance for these people to avoid the aforementioned compensation liability.

XI. RIGHTS TO INSPECT BOOKS AND DOCUMENTS OF THE COMPANY

Article 46. Rights to inspect books and documents

1. Ordinary shareholders have the right to inspect books and documents of the Company as follows:

a) Ordinary shareholders have the right to review, inspect and extract information regarding names and contact addresses from the shareholder register; request to correct his/her inaccurate information; review, inspect, extract or copy the charter of the Company, minutes of the General Meeting of Shareholders and resolutions of the General Meeting of Shareholders.

b) A shareholder or group of shareholders owning five-percent (5%) or more of total ordinary shares has the right to review, inspect, extract minutes and resolution numbers, decisions of the Board of Directors, mid-year and annual financial statements, reports of the Supervisory Board, contracts, transactions that need to be approved by the Board of Directors and other documents — except for documents relating to trade secrets and business secrets of the

Company.

2. In case an authorized representative of a shareholder or group of shareholders requests to inspect the books and documents of the Company, there must be a power of attorney of such shareholder or group of shareholders that the person represents or a notarised copy of the power of attorney.

3. Members of the Board of Directors and Supervisory Board, the General Director and other executives have the right to check the shareholder register of the Company, list of shareholders, books and other documents of the Company for purposes relating to their positions — such information must be kept confidential.

4. The Company must keep this Charter and all amendments to the Charter, business registration certificate, regulations, documents evidencing ownership of assets, resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Boards of Directors, minutes of the General Meeting of Shareholders and the Boards of Directors, reports of the Board of Directors, reports of the Supervisory Board, annual financial statements, accounting books and any other documents as prescribed by law at the head office or another place provided that shareholders and the business registration agency are informed of the address.

5. The Company's Charter must be published on the Company's website.

XII. EMPLOYEES AND UNION

Article 47. Employees and union

1. The General Director shall make and propose plans related to recruitment, employee severance, salary, social insurance, benefits, rewards and discipline for employees and executives to the Board of Directors for approval.

2. The General Director shall make and propose plans relating to the Company's relationship with the trade union under the best standards and practices as well as management policies, practices and policies prescribed by this Charter, the Company's regulations and current laws to the Board of Directors for approval.

XIII. PROFIT DISTRIBUTION

Article 48. Profit distribution

1. The General Meeting of Shareholders shall decide the dividend rate and form of annual dividend payment. The source for dividend payment is from retained earnings.

2. The Company shall not pay interest related to dividends, payment related to the dividend payment or payment related to a class of shares.

3. The Board of Directors may request the General Meeting of Shareholders to approve payment of a full dividend or a portion of dividend in the form of share dividend; the Board of Directors shall execute this decision.

4. In case a dividend or other payables related to a class of shares are paid in cash, then the Company shall pay in VND. The payment can be done directly or through banks based on bank information provided by shareholders. In case the Company transfers money based on bank information provided by shareholders but the shareholders do not receive money, then the Company will not be responsible for the amount of money that the Company transferred to the

shareholders. Payment of a dividend related to shares listed on the stock exchange will be implemented via securities companies or the Vietnam Securities Depository.

5. Pursuant to the Law on Enterprises and Law on Securities, the Board of Directors shall approve and issue resolutions to determine a specific date to close the shareholder register. Shareholders whose names are in shareholder register at that date are eligible to receive a dividend (either in cash or shares), notice or other documents.

6. Other issues related to profit distribution shall comply with the law.

XIV. BANK ACCOUNT, FISCAL YEAR AND ACCOUNTING REGULATIONS

Article 49. Bank account

1. The Company shall open bank accounts at Vietnamese banks or at foreign bank branches licensed to operate in Vietnam.

2. Under approval from a competent authority, in case of necessity, the Company may open bank accounts in foreign countries in accordance with provisions of law.

3. The Company shall make all payments and transactions through bank accounts in VND or foreign currencies at banks that the Company opens accounts.

Article 50. Fiscal year

The Company's fiscal year starts from January 1 each year and ends on December 31 each year. The first fiscal year starts from the date of the business registration certificate and ends on December 31 of that year.

Article 51. Accounting regulations

1. The Company must use an enterprise accounting system or special accounting system that is promulgated and approved by a competent authority.

2. The Company shall make accounting books in Vietnamese and keep accounting documents in accordance with provisions of accounting laws and relevant laws. Such documents must be precise, updated, systematic and adequate to prove and explain the Company's transactions.

3. The Company uses VND as accounting currency. If the Company's revenue and expenditures are mostly in a foreign currency, then then Company may use such foreign currency as accounting currency and has to bear legal responsibility for such action and notify its supervisory tax authority.

XV. FINANCIAL STATEMENT, ANNUAL REPORT AND INFORMATION DISCLOSURE OBLIGATION

Article 52. Quarterly, mid-year and annual financial statements

1. The Company shall prepare annual financial statements that must be audited in accordance with provisions of law. The Company shall publish its audited annual financial statements in accordance with law on the disclosure of information on the securities market and then submit them to competent authority.

2. Annual financial statements must include all reports, appendices and notes in accordance with provisions of law on corporate accounting. Annual financial statements must honestly and objectively reflect the operating situation of the Company.

=
—
IG
PI
3 |
T
—
P
=

3. The Company shall prepare and publish mid-year audited/reviewed financial statements and quarterly financial statements in accordance with provisions of law on information disclosure in the securities market and then submit them to a competent authority.

Article 53. Annual report

The Company must prepare and publish an annual report in accordance with law on securities and the securities market.

XVI. AUDIT OF THE COMPANY

Article 54. Audit

1. The General Meeting of Shareholders shall appoint an independent audit firm or approve a list of independent audit firms and authorize the Board of Directors to select one to audit financial statements of the Company for the next fiscal year based on terms and conditions agreed with the Board of Directors.

2. The audit report shall be attached to annual financial statement(s) of the Company.

3. Auditors who audit the Company's financial statements shall be allowed to attend meetings of the General Meeting of Shareholders and are entitled to receive notices and other information related to meetings of the General Meeting of Shareholders and express their opinions on issues related to the audit of financial statements of the Company.

XVII. SEAL

Article 55. Seal

1. The seal is either made at a seal engraving facility or in the form of a digital signature in accordance with law on digital transactions.

2. The Board of Directors decides on the seal type, quantity, form and content of the seal of the Company, branches and/or representative offices of the Company (if any).

3. The Board of Directors and General Director shall use and manage the seal in accordance with effective laws.

XVIII. REORGANIZATION AND DISSOLUTION

Article 56. Reorganization

1. The Company undergoes consolidation, merger, conversion after approval of the State Securities Commission.

2. Order and procedures for consolidation, merger and conversion as prescribed by the Law on Enterprise, the Law on Securities and relevant laws.

Article 57. Dissolution

1. The Company may be dissolved in following cases:

- a) The term of operation as stated in the Company's Charter ends without extension.
- b) Under resolutions or decisions of the General Meeting of Shareholders.
- c) The business registration certificate is revoked, unless otherwise prescribed by law on tax administration;

d) Other cases as prescribed by the law.

2. Dissolution of the Company before expiration of its term of operation (including extended period) shall be decided by the General Meeting of Shareholders and implemented by

10/10/2018 10:10:10 AM

the Board of Directors. This decision on dissolution must be announced or approved by a competent authority (if required) as prescribed.

Article 58. Extension of operation

1. The Board of Directors shall convene a meeting of the General Meeting of Shareholders at least seven (7) months before the expiration date so shareholders can vote and extend the term of operation at the request of the Board of Directors.

2. Term of operation shall be extended if there is at least 65% of total votes of attendees and authorized representatives present at the meeting of the General Meeting of Shareholders.

Article 59. Liquidation

1. At least six (6) months before the expiration date or after the decision to dissolve the Company, the Board of Directors must establish a Liquidation Committee with three (3) members. Two (2) members are nominated by the General Meeting of Shareholders and Board of Directors appoints one (1) member from an independent audit firm. The Liquidation Committee shall prepare its operation regulations. Members of the Liquidation Committee can be selected from the employees of the Company or independent experts. All costs related to the liquidation shall be prioritized for being paid by the Company prior to other debts of the Company.

2. The Liquidation Committee shall report to the business registration agency on the date of establishment and date of commencement. Subsequently, the Liquidation Committee shall act on behalf of the Company in all work related to the liquidation of the Company before the court and administrative agencies.

3. Proceeds from the liquidation shall be paid in the following order:

- a) Liquidation costs.
- b) Unpaid salaries, severance, social insurance and other benefits of employees according to the collective labor agreement and signed employment contracts.
- c) Tax debts.
- d) Other debts of the Company.
- dd) The remaining balance after payment of all debts from the abovementioned Point a to d shall be distributed to shareholders. The preferred shares are prioritized for payment.

XIX. SETTLEMENT OF INTERNAL DISPUTES

Article 60. Settlement of internal disputes

1. In case of disputes or complaints related to the Company's operation, rights and obligations of shareholders as prescribed by the Law on Enterprises, Company's Charter, other legal provisions or agreements between:

- a) Shareholders and the company.
- b) Shareholders with the Board of Directors, Supervisory Board, General Director and other executives.

Related parties shall try to resolve disputes through negotiation and reconciliation. Except for disputes relating to the Board of Directors or the Chairperson, the Chairperson shall preside over settlement of disputes and require each party to present related information within 30 working days from the date of occurrence. In case of disputes related to the Board of Directors or the Chairperson, any

party may request the Supervisory Board to appoint an independent expert to act as a mediator for the settlement process.

2. In case of failure to achieve reconciliation within six (6) weeks from the beginning of reconciliation process or if the mediator's decision is not accepted by the parties, any party may settle the dispute via arbitral tribunal or court.

3. Each party shall pay their own costs related to negotiation and reconciliation procedures. Payment of court costs shall comply with the judgment of the court.

XX. SUPPLEMENTATION AND AMENDMENT OF CHARTER

Article 61. Company Charter

1. Supplementation and amendment of this Charter shall be reviewed and decided by the General Meeting of Shareholders.

2. In case there are provisions of law related to the Company's operation that have not been mentioned in this Charter or in case there are new provisions of law that are different from the provisions of this Charter, the provisions of such law shall prevail and adjust operation of the company.

XXI. EFFECTIVE DATE

Article 62. Effective date

1. This charter including 21 Chapters and 62 Articles was approved by the General Meeting of Shareholders of Vietcap Securities Joint Stock Company on April 09th, 2021 and the General Meeting of Shareholders approved the effect of full text of this Charter. This Charter was amended for the 15th time on April 1st, 2026.

2. This Charter is made in two copies of equal value and are kept at the Company's head office.

3. This is the Company's only and official Charter.

4. Copies or excerpts from the Charter shall only be valid when there is signature of the Chairperson or signatures of at least half (1/2) of members of the Board of Directors.

LEGAL REPRESENTATIVE



TON MINH PHUONG

